

Tên: .....

Viết: .....

Lớp: S4...

Ngày làm bài: Thứ ....., ngày ..../.....



## Unit 2: Earth and beyond - Grammar 2 & Writing

Imagine you are an astronaut. You are going to travel into space.  
Write 4-6 sentences about your journey.

**Checklist:**

- Use "be going to" for plans & activities.
- Use **Present Simple** for feelings & facts.
- Say **where** you are going in space, **how** you travel there, **what** you can see, **what** you do, **how** you feel.
- Write **4-6 sentences** with correct grammar & spelling.

**Nouns**

rocket  
astronaut  
planet  
spaceship  
star

**Verbs**

travel  
fly  
see  
explore  
land

**Adjectives**

exciting  
dangerous  
beautiful  
bright  
amazing

**Adverbs**

slowly  
carefully  
clearly  
sometimes  
usually

**Conjunctions**

and  
but  
because  
then  
so

**Let's write!**

I am going to .....

I am going there by .....

In space, I can see .....

I also ..... in space.

The journey is .....

I feel ..... because .....

Tên: .....

Ngữ pháp: .....

Lớp: S4...

Đọc & Viết: .....

Ngày giao bài: Thứ ...., ngày ..../....

Mini test: .....

Ngày nộp bài: Thứ ...., ngày ..../....



## GLOBAL ENGLISH 4

### Unit 2: Earth and beyond - Grammar 2 & Writing

#### A. GRAMMAR: Superlatives with short and long adjectives (So sánh nhất với tính từ ngắn và tính từ dài)

- Cách dùng: So sánh nhất trong tiếng Anh được dùng cho 3 **đối tượng** trở lên.

Cấu trúc	Ví dụ
S + to be + <b>short adj-est</b> + N	This is <b>the tallest</b> building in the city. (Đây là tòa nhà <b>cao nhất</b> trong thành phố.)
S + to be + <b>the most + long adj</b> + N	She is the <b>most intelligent</b> student in our class. (Cô ấy là học sinh <b>thông minh nhất</b> trong lớp chúng tôi.)

Note: S = Subject: Chủ ngữ; N = Noun: danh từ; adj = adjective: tính từ

#### \*Lưu ý 1:

- Short adj** (Tính từ ngắn) là các tính từ có **một âm tiết**. (tall, short, big, small, old, young, ...)
- Long adj** (Tính từ dài) là tính từ có từ **2 âm tiết** trở lên. (intelligent, beautiful, expensive, interesting, ...)

#### \*Lưu ý 2:

1. Tính từ hai âm tiết tận cùng bằng <b>-er, -le, -ow, -et</b> thì coi là tính từ ngắn.	simple – simplest narrow – narrowest
2. Tính từ có đuôi <b>-y</b> , chuyển <b>-y</b> thành <b>-i</b> rồi thêm <b>-est</b> .	dirty – dirtiest happy – happiest
3. VỚI TÍNH TỪ NGẮN, NẾU TRƯỚC PHỤ ÂM CUỐI LÀ MỘT NGUYÊN ÂM THÌ GẤP ĐÔI PHỤ ÂM CUỐI RỒI THÊM <b>-est</b> .	big – biggest sad – saddest

### MỘT SỐ TÍNH TỪ SO SÁNH NHẤT Ở DẠNG ĐẶC BIỆT

No.	Adjective	Superlative form	Meaning
1	good	the best	tốt
2	bad	the worst	tồi tệ
3	little	the least	ít
4	much / many	the most	nhiều
5	far	the furthest / the farthest	xa

### B. EXTRA VOCABULARY

No.	New word	Meaning	No.	New word	Meaning
1	sail (v)	lái thuyền buồm	4	press (v)	ấn
2	lend (v)	cho mượn, cho vay	5	wildlife (n)	đời sống hoang dã; động vật (và thực vật) hoang dã
3	shelf (n)	cái kệ, giá đỗ đồ	6	ring (v)	gọi điện

❖ Note: n = noun: danh từ; v = verb: động từ.

❖ Con học thuộc nghĩa của từ, chính phát âm theo từ điển và chép mỗi từ **1 dòng** vào vở ghi.

**C. HOMEWORK****I. Choose the correct answers.**

0. Mount Everest is \_\_\_\_\_ mountain in the world.  
 A. the tallest      B. most tall      C. the taller

1. This is \_\_\_\_\_ movie I have ever watched.  
 A. the more exciting      B. excitingest      C. the most exciting

2. January is usually \_\_\_\_\_ month of the year in Canada.  
 A. the coldest      B. most cold      C. the colder

3. She is \_\_\_\_\_ student in our English class.  
 A. intelligentest      B. the most intelligent      C. the intelligenter

4. Yesterday was \_\_\_\_\_ day of the summer.  
 A. most hot      B. the hottest      C. the hotter

5. That was \_\_\_\_\_ story I have ever heard.  
 A. interestingest      B. the interestinger      C. the most interesting

**II. Complete the sentences with the SUPERLATIVE form of the adjective in parentheses.**

0. My mum is the most loving (*loving*) person in my family.

1. That was \_\_\_\_\_ (*fantastic*) concert I have ever been to.

2. He is \_\_\_\_\_ (*fair*) headteacher in our school.

3. Among all the students, Anna is \_\_\_\_\_ (*lively*) girl in the class.

4. This librarian is \_\_\_\_\_ (*caring*) teacher in the school.

5. Yesterday was \_\_\_\_\_ (*brilliant*) day of our trip.

**III. Write sentences in the PRESENT SIMPLE using the SUPERLATIVE form of the adjectives.**

0. This cook / good / in the restaurant.

→ This cook is the best in the restaurant.

1. Surfing / exciting / sport / at the beach.

→ \_\_\_\_\_.

2. Snowboarding / dangerous / activity / in the mountains.

→ \_\_\_\_\_.

3. This caretaker / helpful / person / in the school.

→ \_\_\_\_\_.

4. Karate / popular / hobby / in my town.

→ \_\_\_\_\_.

5. The school nurse / busy / worker / in the school.

→ \_\_\_\_\_.

**Part 3**

– 5 questions –

**Michael is talking to his friend Tom about his school holidays.****Read the conversation and choose the best answer.****Write a letter (A–H) for each answer.****You do not need to use all the letters. There is one example.****Example****Michael:** Hi, Tom. Have you been on holiday?**Tom:** .....

E

1  **Michael:** Did you have fun on your holiday?**Tom:** .....2  **Michael:** Where did you go?**Tom:** .....3  **Michael:** What was the weather like there?**Tom:** .....4  **Michael:** What did you do there?**Tom:** .....5  **Michael:** Well, I stayed at home which is boring, isn't it?**Tom:** .....



- A I won't enjoy going there.
- B Yes, I did. It was great, thanks.
- C Lots of different things but I sailed a lot.
- D It's going to rain again tomorrow.
- E Yes, I have. I arrived home yesterday. **(Example)**
- F It was sunny for most of the time.
- G Perhaps next year you'll go away, too.
- H To a place called Smalltown, near the sea.

## Questions 1-6

For each question, choose the correct answer.

1

EMAIL

From: Ewan

To: Andy

Andy, I need to borrow  
your laptop. Mine broke  
yesterday. Can I come and  
pick it up after dinner?

Write soon!

What does Ewan want Andy to do?

- A. go and buy a laptop with him
- B. lend him his laptop

2

**SCHOOL CANTEEN**

MAKE SURE YOUR TABLE  
IS CLEAN BEFORE  
YOU LEAVE

- A. The table may be clean before you eat.
- B. You must clean the table at the end of your meal.

3

Press any key to start the game

- A. Do not press any key if you want to play.
- B. You can't play if you don't press a key.

4

**Please  
return each book  
to the correct shelf**

A. Put the books you use back on their shelves.  
B. Check that the right books are on each shelf.

5



A. You'll get a discount if you buy 30 tickets.  
B. The ticket is more expensive if you are alone.

6

Hi Annie, can you ring the sports centre to book the tennis court for our match? I'll bring the money when we meet there tomorrow.

**Terry wants Annie to**  
A. give him some money.  
B. make a phone call.